ĐỀ TÀI CẤP BỘ:

ĐÁNH GIÁ DIỄN BIẾN MÔI TRƯỜNG KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA HAI VÙNG TAM GIÁC PHÍA BẮC VÀ PHÍA NAM

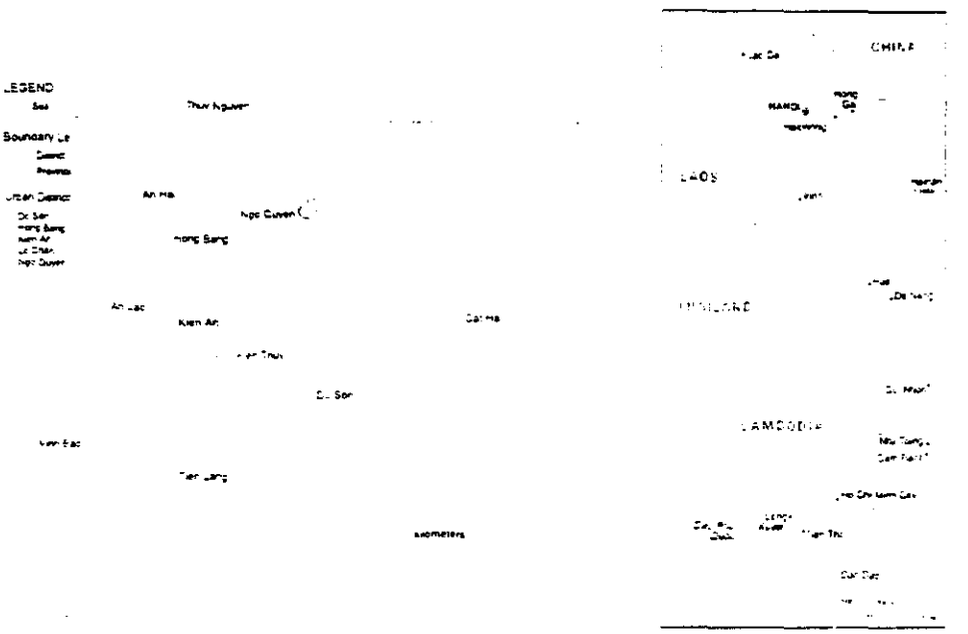

Báo cáo chuyên đề

BIẾN KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG TỪ 1995 ĐẾN 2002

Tháng 12, 2002

CHƯƠNG 1: ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI HẢI PHÒNG

Hải Phòng có diện tích 1507Km^2 với dân số khoảng 1.71 triệu dân và 13 đơn vị hành chính, gồm 4 quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Kiến An; một thị xã Đồ Sơn, sáu huyện: Vĩnh bảo, Tiên lãng, An lão, Kiến thuỵ, An hải, Thuỷ nguyên và 2 huyện đảo Cát hải, Bạch Long Vĩ.

Hải Phòng có chung ranh giới hành chính với 3 tỉnh: Quảng Ninh ở phía Bắc, tỉnh Hải dương ở phía Tây và tỉnh Thái Bình ở phía Nam-Tây nam. Ngoài khơi Hải Phòng có nhiều đảo lớn nhỏ rải rác trên một vùng biển nối liền với vịnh Hạ Long, Quảng Ninh, trong đó có hai đảo lớn là Cát Bà và Bạch Long Vĩ.

Hải Phòng nằm trong vùng nhiệt đới gần chí tuyến Bắc, khí hậu mang nền tảng nhiệt đới nóng ẩm. Mùa đông lạnh, ít mưa. Mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều. Lượng mưa hàng năm từ 1600-1800mm. Độ ẩm tương đối cao, trung bình khoảng 85%. Tốc độ gió trung bình khoảng 2,8÷3,7m/s. Hàng năm, khu vực Hải Phòng bị ảnh hưởng từ 2-3 cơn bão vào các tháng 7, 8, 9 và khoảng 40-45 ngày có dông và tập trung vào mùa hạ. Gió mùa đông Bắc xuất hiện vào hầu hết trong các tháng trong năm.

Hải Phòng có mạng lưới sông ngòi dày đặc thuộc mạng lưới sông Thái Bình. Hướng chảy chủ yếu là Tây Bắc-Đông Nam, độ uốn khúc lớn, bãi sông rộng. Hệ thống sông chính bao gồm các sông Bạch Đằng, Hàn, Cấm, Kinh Môn, Lạch Tray, Văn úc, Mới, Thái Bình, Luộc, Hoá. Sông nhánh gồm các sông Chung mỹ, Lịch sĩ, Giá, Tam Bạc, Đa độ, Kinh Đông. Sông ngòi Hải Phòng có chứa nhiều chất khoáng, chủ yếu là Ca^{++}, Na^{+}, K^{+}, Mg^{++}, $HCO3^{-}$, $SO4^{--}$, Cl^{-}. Hàm lượng muối NaCl khá lớn trong nước sông do ảnh hưởng nước mặn từ biển xâm nhập vào.

Biển là yếu tố địa lý tự nhiên đặc sắc nhất của Hải Phòng. Trong hơn 5000km^2 tổng diện tích chỉ có 1507km^2 đất nổi, hải đảo chiếm trên 300km^2. Vùng nước bên ngoài đường bờ biển Hải Phòng là một dải hẹp, rộng chừng 31km. Diện tích toàn vùng trên 4000km^2, phần lớn không sâu quá 20m, bao quanh hệ quần đảo ven bờ Cát Bà, Thượng Mai, Hạ Mai, Long Châu, Hòn Dấu, nơi sâu nhất không quá 40m. Đảo Bạch Long Vĩ có diện tích 2,5km^2. Biển Hải Phòng có chế độ nhật triều điển hình. Trong nửa tháng có tới 11 ngày xuất hiện nhật triều. Mực nước triều lớn nhất đạt 4,0m ở Hòn Dấu, khi có bão có thể đạt tới 5-6m. Nhiệt độ nước biển chênh lệch trong hai mùa rõ rệt. Vào mùa đông, nhiệt độ nước biển thường thấp hơn 20°C. Vào mùa hè nhiệt độ nước biển cao hơn 25°C. Độ muối tầng mặt của nước biển Hải Phòng vào mùa đông gần như đồng nhất, khoảng 1,3%, từ tháng 2 đến tháng 4 đạt tới giá trị cao nhất 3,2%. Mùa hè, nước sông ngòi đổ ra biển, độ muối giảm dần, tháng 8 giảm xuống thấp nhất, có thể tới 0,5%.

1. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

Thành phố Hải phòng có khoảng 1.71 triệu dân với gần 600.000 người trong khu vực nội thành. Nội thành với 4 quận: Hồng bàng (108.900 người), Lê Chân (148.400), Ngô Quyền (172.900) và Kiến An (70.700); Thị xã Đồ sơn (29.900) và 9 thị trấn. Dân số sống trong khu vực đô thị tại 4 quận nội thành và thị xã Đồ sơn chiếm 1/3 tổng dân số Hải phòng. Dân số trung bình từng nơi rất khác với dân số trung bình của toàn thành: Quận Lê Chân, trung tâm Thành phố chiếm mật độ cao: 33.727 người/km2. Quận Ngô quyền với mật độ 14.172 người/km2. Quận Hồng bàng với 7.165 người km2 và Quận Kiến an với 1.248 người/km2 . Như vậy, mật độ dân số đô thị đều lớn hơn rất nhiều so với khu vực nông thôn.

Năm	1985	1995	1998	1999	2000	2001
Tổng số dân (1000 người)	1.269,4	1.607,3	1.659,6	1.677,5	1.701,2	1.723,5
Dân số đô thị (1000 người)	396,1	530,0	560,3	570,9	579,9	584,5
Tỷ lệ tăng TB dân ĐT/năm	1,56%	3,7%	1,9%	1,89%	1,58%	0,79%

Những năm gần đây, Thành phố đã đạt được kết quả khá toàn diện. Hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu, tốc độ GDP tăng bình quân 10 năm 1991-2000 đạt 10,30%, giá trị sản xuất công nghiệp (tính đến 2000 Hải Phòng có trên 190 cơ sở công nghiệp vừa và lớn, 12.000 cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ ngoài quốc doanh) bình quân 10 năm 23,88%. Năm năm (1996-2000) nông nghiệp tăng 5,55%/năm, kim ngạch xuất khẩu tăng 14,40%/năm. Năm 2000 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là [illegible]% (sau 10 năm giảm 6,65‰)... GDP bình quân đầu người đạt 641,2 US$, kim ngạch xuất khẩu đạt 286,3 triệu US$, thu hút vốn đầu tư nước ngoài đến năm 2000 đạt 1.318 tỷ US$. Số hộ đói nghèo giảm còn 5,8%. Năm 2001, tình hình Thành phố tiếp tục ổn định, duy trì được những yếu tố tích cực của năm 2000, có bước phát triển mới khá toàn diện và rõ nét. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 10,38% so với năm 2000 và tăng gấp rưỡi so với mức tăng bình quân của cả nước. Sản xuất công nghiệp tăng bình quân 19%. Cơ cấu ngành và cơ cấu thành phần kinh tế đang trên đà chuyển biến theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Văn hoá xã hội có tiến bộ, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Giáo dục là một lĩnh vực được đặc biệt chú trọng. Năm 2001 Thành phố đã được Nhà nước công nhận phổ cập trung học cơ sở đạt 100%. Thành phố hiện có 5 trường đại học và cao đẳng là Đại học Hàng Hải, Đại học Y Hải Phòng, Đại học sư phạm, Đại học Dân lập và Cao đẳng cộng đồng; 12 trường công nhân kỹ thuật và 8 trường trung học chuyên nghiệp. Số giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và thạc sĩ đã lên tới trên 700 người. Số cán bộ đại học 47.800, cán bộ trung học chuyên nghiệp 40.820, công nhân kỹ thuật 72.233. Số bệnh viện năm 2001 có 20, số giường bệnh viện 4516, 198 trạm y tế xã, số y, bác sĩ và dược sĩ cao cấp là 3879 người.

Hải Phòng là nơi có những danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử, văn hoá độc đáo. Nội thành có những ngôi đền, chùa với lối kiến trúc cổ mang đậm nét văn hoá phương Đông, nơi thờ những vị anh hùng, những danh nhân văn hoá của dân tộc như đền Nghè thờ nữ tướng Lê Chân, đình Hạ thờ Nguyễn Công Trứ, đền thờ Nguyễn bỉnh Khiêm... Khu du lịch Đồ Sơn có cảnh quan đẹp. Cát Bà là nơi thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Trên đảo có rừng nguyên sinh quốc gia với hệ động thực vật quí hiếm, nhiều cảnh đẹp thiên nhiên, nhiều di tích khảo cổ thể hiện đậm nét nền văn hoá Hạ Long cổ xưa và hàng trăm đảo lớn, nhỏ, nhiều hang động. Núi Voi (An Lão) là một địa điểm du lịch, một di tích được xếp hạng với những hang động đẹp như động Họng Voi, hang Già vị, hang Trống và những đền thờ cổ kính như đền Hang, đình Chi Lai. Tại vùng chân núi Voi đã tìm thấy những di tích khảo cổ từ thời Hùng Vương cách đây 2500 năm.

Khu vực thị trấn Minh Đức - Thuỷ Nguyên có 1 khu di tích chỉ khảo cổ học Tràng Kênh nổi tiếng. Đó là công xưởng chế tác đồ trang sức bằng đá có quy mô lớn với trình độ kỹ thuật tinh xảo của người Việt cổ ở giai đoạn thuộc kỷ đá mới (cách đây khoảng 3500 năm).

2. MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

2.1 NHẬN ĐỊNH CHUNG:

Hải phòng từ lâu đã được coi là một địa điểm có tiềm năng lớn về công nghiệp. Hải phòng nằm trong khu vực đồng bằng sông Hồng, là điểm nối với các tỉnh thông qua Quốc lộ 5, 10 và làm cho Hải phòng trở thành một trọng điểm kinh tế quan trọng. Hải phòng là một cực tăng trưởng tam giác phía bắc Hà nội-Hải phòng-Quảng ninh.

Hải phòng là một thành phố cảng, công nghiệp. Ngành công nghiệp đóng góp đáng kể cho kinh tế phát triển từ 43% vào năm 1995 lên đến 57% vào năm 2000 (xem Hình 1). Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp và đô thị hoá nhanh là vấn đề ô nhiễm môi trường, suy thoái chất lượng các nguồn nước, ô nhiễm môi trường không khí.

Biểu 1: Sự đóng góp của công nghiệp cho GDP của thành phố.

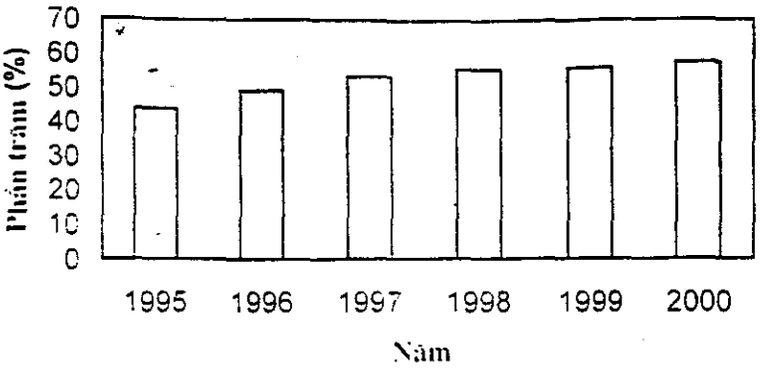

Nguồn: Cục Thống kê-Niêm giám thống kê 2000. Trang 22.

Hiện nay có khoảng trên 10.000 cơ sở công nghiệp lớn nhỏ trên địa bàn Hải phòng. Chủ các cơ sở công nghiệp rất nhiều loại: các cơ sở công nghiệp trung ương, địa phương, phi nhà nước (Hợp tác xã, các công ty tư nhân, công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn...) và những cơ sở đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Cơ cấu các cơ sở sản xuất công nghiệp được thể hiện trong Bảng 1:

Bảng số 1: Cơ cấu các cơ sở công nghiệp - Số lượng các doanh nghiệp

Thành phần	1995	1996	1997	1998	1999	2000
Trung ương	27	27	33	36	37	34
Địa phương	68	63	60	62	53	49
Ngoài quốc doanh	198	211	214	210	197	214
Cơ sở nhỏ	11873	12383	10209	10331	9993	9890
Đầu tư TT của nước ngoài	10	14	38	39	42	44
Tổng cộng	12176	12698	10554	10678	10322	10231

Ghi chú: Phi nhà nước bao gồm: Hợp tác xã, công ty TNHH và các cơ sở CN nhỏ.
Nguồn: Cục thống kê, Niêm giám thống kê 2000. Trang 78.

Trong số 10.231 các cơ sở công nghiệp, trong đó chỉ có 341 (3,3%) là các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ[1]. Rất nhiều cơ sở công nghiệp nhỏ là những cơ sở sản xuất thực phẩm (thịt), sản xuất thép (thép xây dựng), đúc, thủ công, dệt len, các cơ sở sản xuất cơ khí, các cơ sở chế biến thuỷ sản cung cấp cho thị trường địa phương. Các cơ sở công nghiệp lớn thuộc các ngành: sản xuất xi măng, giấy, thép, bia, chế biến thuỷ sản, sản phẩm len, may mặc, đúc, đóng và sửa chữa tàu và thuỷ tinh. Hầu hết các cơ sở công nghiệp lớn là của Nhà nước trung ương và địa phương và được thành lập trước khi Luật Bảo vệ môi trường được ban hành và có hiệu lực.

Bảng 2: Sản xuất công nghiệp chính ở Hải phòng:

Năm	Giấy (T/n)	ắc quí (Kwh)	Đóng tàu (Chiếc)	Sản xuất thép (Tấn/n)	Sản xuất thép (Tấn/n)	Sản phẩm thuỷ tinh	Sản phẩm bột nhẹ (Tấn/n)	Xi măng (Tấn/n)	Sơn (T/n)	Thảm m²	Chế biến lương thực T/n	Bia (1000lít)	Chế biến thực phẩm Tấn/n	Chế biến thịt T/n
1995		36000	20	12633	46300	8777	17800	541000	1311	40000	13749	233	4609	27801
1996		40600	5	18092	178400	9680	8300	503000	1563	42000	16349	701	4809	28838
1997		40000	11	19170	232000	31888	9200	1106000	1341	36000	18682	159	4499	32607
1998	30000	50000	10	20214	254000	26571	10600	1687000	1633	34000	21242	748	4368	34835
1999	30000	67800		11446	326500	27072	9900	1658000	1792	24000	17549	1335	4308	
2000	30000	70900		12380	383300	35441	12000	1446000	2000	20000	21158	520	4614	

[1] Dự thảo Nghị định về phát triển các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ (2000). Bộ KH&ĐT. Các cơ sở CN vừa và nhỏ là các cơ sở có số vốn đầu tư dưới 5 tỷ đồng (~345 US$) hoặc dưới 200 công nhân

Nguồn: Cục thống kê. Niêm giám thống kê 2000. Trang 66-68.

Gần 90% các cơ sở công nghiệp này nằm trong khu vực nội thành. Các cơ sở này hầu hết đều sử dụng công nghệ lạc hậu, thiếu không gian để phát triển và không có hệ thống xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tất cả nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất đều thải thẳng vào hệ thống thoát nước của Thành phố hoặc ở những nơi gần nhất (ao, hồ điều hoà, kênh, mương..). Chất thải rắn thải ra được Công ty môi trường đô thị thu gom vận chuyển về bãi rác Thành phố. Vẫn còn có hiện tượng một số cơ sở công nghiệp đổ rác không đúng nơi qui định hoặc đổ trộm.

Chất thải rắn công nghiệp chỉ chiếm 9% tổng lượng chất thải trong khu vực đô thị (484,2 tấn/ngày). Một điều cũng được dự tính rằng 1% là loại chất thải công nghiệp độc hại. Hiện nay URENCO làm nhiệm vụ thu gom tất cả các nguồn và cùng đổ chung lẫn với chất thải sinh hoạt tại bãi rác Tràng cát.

Các cơ sở công nghiệp sử dụng nước cấp từ nguồn cấp nước chính của Thành phố và một số khác còn sử dụng nước ngầm. Dự kiến tổng lượng nước thải công nghiệp ở vào khoảng 13% tổng lượng nước thải hàng ngày trong khu vực nội thành (45.716m3/ngày). Nước thải hiện nay thải thẳng ra các đường thoát chung rồi ra các nguồn nước và cuối cùng tất cả đều đổ vào sông Cấm, sông Lạch Tray rồi ra biển.

BIỂU SỐ 4: LƯỢNG CHẤT THẢI TỪ CÁC NGUỒN KHÁC NHAU

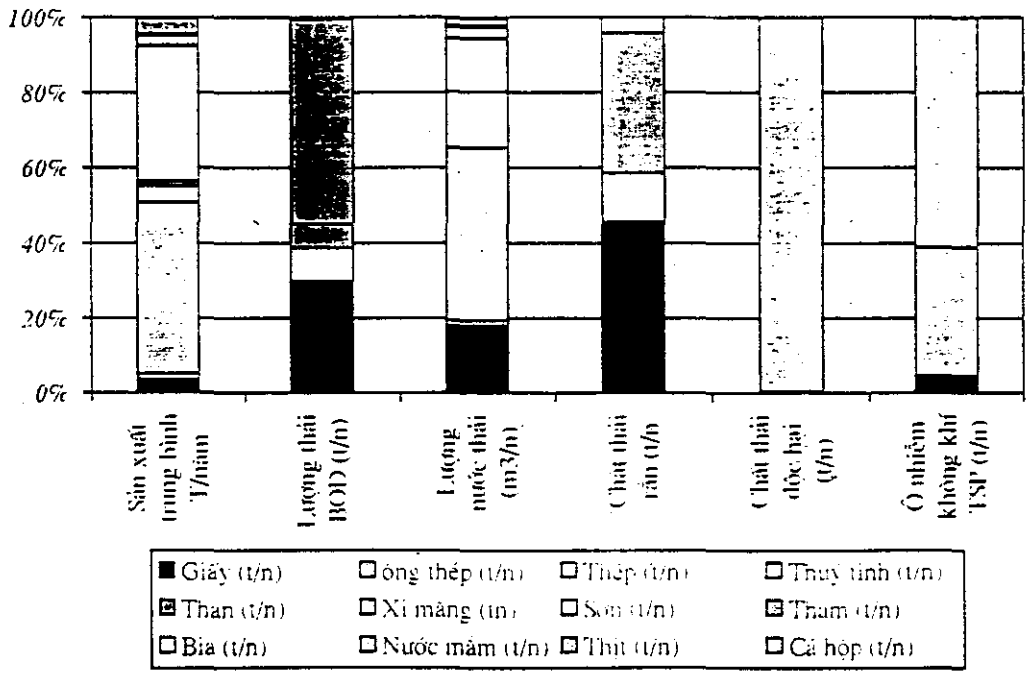

Lượng thải hữu cơ: Nguồn phát thải chất thải hữu cơ chính là ngành công nghiệp chế biến thực phẩm (54%) và sản xuất giấy (30%). Phần còn lại là các cơ sở công nghiệp sản xuất bia và thảm. Công nghiệp sản xuất thực phẩm và giấy thuộc sở hữu nhà nước và của cả tư nhân (chỉ những cơ sở vừa và nhỏ).

Lượng nước thải: Công nghiệp sản xuất thép (46%), giấy (18%), thuỷ tinh (15%) và sản xuất xi măng (14%) là những nguồn thải nước thải chính. Các nguồn khác bao gồm: chế biến thực phẩm và sản xuất bia. Trong những nguồn chính nêu trên, các doanh nghiệp nhà nước là chủ yếu.

Chất thải rắn: Công nghiệp giấy và da giày (45%), chế biến thực phẩm, giết mổ (50%) là những ngành công nghiệp thải ra nhiều chất thải rắn nhất. Các cơ sở công nghiệp chế biến thực phẩm và giết mổ của cả nhà nước và tư nhân.

Chất thải độc hại: Công nghiệp sản xuất thép được xem gần như là nguồn thải chất thải độc hại trong khu vực. Hầu hết các doanh nghiệp lớn này đều của Nhà nước hoặc liên doanh.

Ô nhiễm không khí: Xi măng Hải phòng được tính là nguồn thải lớn (60%) về bụi tổng TSP vào không khí khu đô thị. Các nguồn khác là những cơ sở sản xuất thép.

2.2 DIỄN BIẾN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP.

Theo Kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế Thành phố đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi (6/2000). Thành phố chia ra thành 5 vùng phát triển với 10 khu công nghiệp tập trung trên diện tích khoảng 4000 ha. Vị trí cụ thể của các khu công nghiệp cụ thể như sau:

- Huyện An hải- Nomura. Khu kinh tế Đình vũ. Khu Đông hải-Vũ yên và Vĩnh niệm.
- Huyện Thuỷ nguyên-Minh Đức. Bến Rừng.
- Huyện Kiến thuỵ. Khu Chế xuất đường 14 và Hải thành.
- Quận Hồng bàng-Quán toan. Vật cách. Thượng lý.
- An lão-An Tràng.
- Quận Kiến an. Tiên Hội- Quán trữ.

Cơ cấu lãnh thổ của công nghiệp Hải Phòng (không gian công ngiệp HP) đã được hình thành trong thời gian xây dựng quy hoạch năm 1994 và năm 1996 Thường vụ Thành uỷ HP đã có thông báo kết luận số 33, thông qua " Quy hoạch các khu công nghiệp tập trung của thành phố HP" là sở cho thành phố chỉ đạo thực hiện quy hoạch các doanh nghiệp công nghiệp ở thành phố HP. Theo đó công nghiệp HP được bố trí " thành 5 vùng với 15 khu công nghiệp tập trung và khuc chế xuất với tổng diện tích khoảng 4000ha và quy mô mỗi khu từ 30 đến 1000ha". đến tháng 8/n2000 trong điều chỉnh Quy hoạch thành phố, công nghiệp HP được bố trí thành 13 khu công nghiệp với diện tích 1745 ha năm 2000 và 2400 ha năm 2010. Tháng 11/2001 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch này, theo đó diện tích và tích chất của mỗi khu như sau:

TT	Khu công nghiệp tập trung	Địa điểm	Tính chất	Quy mô đất (ha)		
				2000	2005	2010
1	Nomura	AnHải	Kỹ thuật cao	153	153	153
2	Vật cách	Q.Hồng bàng	Thép, cơ khí	100	150	310
3	Thượng lý - Sở Dầu	Q. Hồng bàng	Dịch vụ Công nghiệp	100	120	150
4	Quán Trữ	Q. Kiến An	CN thực phẩm,CN nhe	20	28	30
5	Cống đôi-Vân Tràng	Q. Kiến An	Công nghiệp nhe	10	15	25
6	Tiên Hội	H. An Lão	VLXD, công nghiệp nhe	10	20	20
7	Đông Hải	H. An Hải	Xuất Khẩu	97	150	150
8	Đình Vũ	H. An Hải	Tổng hợp	164	639	937
9	Minh đức -Tràng Kênh	H.Thuỷ Nguyên	Hoá chất, xi măng	30	70	100
10	Bến Rừng	H.Thuỷ Nguyên	Phá dỡ tàu cũ, khí hoá lỏng, nhiệt điện, đóng tàu	30	150	250
11	Vũ yên	H.Thuỷ Nguyên	Cảng, thương mại tự do	20	50	100
12	Hải Thành	H. Kiến Thuỵ	Công nghiệp sạch	30	50	50
13	Chế xuất đường 14	H. Kiến Thuỵ	Côngnghiệp sạch	150	150	150

Lớn nhất là khu kinh tế Đình vũ (1200 ha) và cũng sẽ có cảng nước sâu với chiều dài cầu tàu khoảng 3 Km, có thể cho phép tàu 30.000 tấn cập cảng. Theo qui hoạch, các khu công nghiệp này sẽ thu hút khoảng 1847 các cơ sở công nghiệp vào năm 2010 và 2400 vào năm 2020, bao gồm các loại hình: các cơ sở công nghiệp có công nghệ cao, sản xuất hoá chất, sản xuất thép, đóng và sửa chữa tàu, may mặc, vật liệu xây dựng và chế tạo máy (hãy xem phụ lục danh sách

các loại hình công nghiệp có nhiều khả năng đầu tư). Tất cả các khu công nghiệp sẽ tiếp nối với những khu dân cư chuyên biệt thông qua hệ thống dịch vụ hàng hoá. Hiện nay, khu công nghiệp NOMURA với tổng diện tích 153 ha và khu kinh tế Đình vũ đang hoạt động, do liên doanh giữa Hải phòng và các tổ chức nước ngoài điều hành toàn bộ cơ sở hạ tầng. Một số vấn đề cũng được đặt ra trong kế hoạch là: tất cả những đầu tư có tiềm năng vào các khu công nghiệp này đều được khuyến khích về tài chính, bao gồm: ưu tiên về thuế nhập khẩu vật tư, nguyên liệu thô và thiết bị và những khuyến khích khác, ví dụ như thủ tục xét duyệt và cấp phép đơn giản và được cung cấp cơ sở hạ tầng.

Sau 5 năm thực hiện có thể tóm tắt tình hình như sau:
đối với các doanh nghiệp công nghiệp thành lập mới hoặc đầu tư mở rộng đã được bố trí theo đúng quy hoạch đề ra. Cụ thể

- Doanh nghiệp thuộc ngành sản xuất kim loại (đúc, sản xuất thép) bố trí về khu công nghiệp Vật Cách.
- Thuộc ngành sản xuất hoá chất, bố trí về Khu chế xuất đường 14, Hải thành, Vân Tràng hoặc tận dụng một số mặt bằng trong nội thành sát khu Công nghiệp ĐôngHải.
- Thuộc ngành dệt may, bố trí ở khu Công nghiệp Quán Trữ - Cống đôi, Hải thành
- Thuộc ngành dầu khí, hoá chất, bố trí Khu Công nghiệp Minh Đức.

Hiện nay, có hai khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, nhưng chỉ có Khu Công nghiệp Nomura là có hệ thống xử lý nước cho toàn khu, còn Khu Công nghiệp Đình Vũ hiện chưa có khu xử lý nước thải. Các doanh nghiệp hiện đang hoạt động trong 2 KCN kể trên như sau:

STT	*Tên công ty*	*N*

các loại hình công nghiệp có nhiều khả năng đầu tư. Tất cả các khu công nghiệp sẽ tiếp nối với những khu dân cư chuyên biệt thông qua hệ thống dịch vụ hàng hoá. Hiện nay, khu công nghiệp NOMURA với tổng diện tích 153 ha và khu kinh tế Đình vũ đang hoạt động, do liên doanh giữa Hải phòng và các tổ chức nước ngoài điều hành toàn bộ cơ sở hạ tầng. Một số vấn đề cũng được đặt ra trong kế hoạch là: tất cả những đầu tư có tiềm năng vào các khu công nghiệp này đều được khuyến khích về tài chính, bao gồm: ưu tiên về thuế nhập khẩu vật tư, nguyên liệu thô và thiết bị và những khuyến khích khác, ví dụ như thủ tục xét duyệt và cấp phép đơn giản và được cung cấp cơ sở hạ tầng.

Sau 5 năm thực hiện có thể tóm tắt tình hình như sau:
đối với các doanh nghiệp công nghiệp thành lập mới hoặc đầu tư mở rộng đã được bố trí theo đúng quy hoạch đề ra. Cụ thể

- Doanh nghiệp thuộc ngành sản xuất kim loại (đúc, sản xuất thép) bố trí về khu công nghiệp Vật Cách.
- Thuộc ngành sản xuất hoá chất, bố trí về Khu chế xuất đường 14, Hải thành, Vân Tràng hoặc tận dụng một số mặt bằng trong nội thành sát khu Công nghiệp ĐôngHải.
- Thuộc ngành dệt may, bố trí ở khu Công nghiệp Quán Trữ - Cống đôi, Hải thành
- Thuộc ngành dầu khí, hoá chất, bố trí Khu Công nghiệp Minh Đức.

Hiện nay, có hai khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, nhưng chỉ có Khu Công nghiệp Nomura là có hệ thống xử lý nước cho toàn khu, còn Khu Công nghiệp Đình Vũ hiện chưa có khu xử lý nước thải. Các doanh nghiệp hiện đang hoạt động trong 2 KCN kể trên như sau:

STT	*Tên công ty*	*Ngành nghề sản xuất*
I. Khu Công nghiệp Nomura		
1	Công ty Rorze Robotech	Linh kiện người máy
2	Công ty TNHH Hợp Thịnh	May quần áo
3	Công ty TNHH Estelle	Chế tác vàng bạc đá quý
4	Công ty TNHH Asty Việt nam	May túi xách da
5	Công ty TNHH Hi - Lex Việt nam	Dây cáp điều khiển ôtô, xe máy
6	Công ty TNHH Ortex Chemical	Hoá chất xử lý nước dùng trong công nghiệp
7	Công ty TNHH Meicorp Việt nam	Sản xuất ghim kẹp công nghiệp các loại
8	Công ty TNHH PV Hải Phòng	Van điều khiển Gas
9	Công ty TNHH Nichias Hải phòng	Sản xuất các tấm gioăng đệm, bộ lọc khí, băng và phụ kiện, PTFE.
10	Công ty TNHH Yazaki Hải phòng Việt nam	Sản xuất và tiếp thị các cụm chi tiết ôtô (dây dẫn và thiết bị điện).
11	Công ty TNHH Office Xpress	Sản xuất giấy văn phòng
12	Công ty TNHH Giấy phong Đài loan	Sản xuất giấy cát tông chun, sản phẩm bao bì cao cấp và các sản phẩm giấy khác.
13	Công ty TNHH Hiroshge Việt nam	Sản xuất các cụm linh kiện có độc hình xác cao trong ô tô, đồ điện và điện tử.
14	Công ty TNHH Dệt may Việt Phong	Sản xuất các sản phẩm len dệt, hàng dệt kim và may mặc.
15	Công ty TNHH Maiko Hải phòng	Sản xuất và gia công linh kiện hình xác loại nhỏ và linh kiện ổ đĩa cứng.
16	Công ty TNHH R&T Việt nam	Sản xuất và gia công các mặt hàng dan, dệt, áo len dài tay và may mặc.
17	Công ty TNHH Vina - Bingo	Sản xuất và gia công tấm kim loại chính xác, linh kiện chính xác, biển hiệu, ống, gia công xử lý bề mặt và lắp ráp máy móc.
18	Công ty TNHH May BT	Sản xuất và gia công các mặt hàng dan, dệt, áo len dài tay và may mặc.
19	Công ty TNHH Fuji Mold	Sản xuất và gia công các sản phẩm nhựa ép

		phụn.
20	Công ty TNHH May Hoa Nguyên Việt Nam	Sản xuất và gia công các mặt hàng may mặc
21	Công ty TNHH Nishishiba Việt nam	Điều hành Nhà máy điện
22	Công ty TNHH Shin Yong Chemical Việt Nam	Sản xuất, Chế tạo thiết bị sản xuất màng Polyethylene: Xúc tiến xuất khẩu hàng hoá từ Việt nam.
23	Công ty TNHH Fujikura Composites Hải phòng.	Sản xuất bè, xuồng, áo phao cứu sinh và hàng hoá bằng vải tráng cao su.
24	Công ty Phát triển KCN Nomura Hải phòng.	Kinh doanh hạ tầng cơ sở
II. Khu công nghiệp Đình Vũ		
1	Công ty Liên doanh phát triển Đình Vũ	Kinh doanh và phát triển hạ tầng cơ sở
2	Công ty TNHH Dầu nhờn Caltex Việt nam	Sản xuất dầu mỡ bôi trơn
3	Công ty TNHH Cấp nước Đình Vũ	Cung cấp nước sạch
4	Công ty liên doanh Việt Pháp Sản xuất thức ăn gia súc	Sản xuất thức ăn gia súc
5	Tổng kho xăng dầu	Tổng kho xăng dầu

Nguồn: Phòng Quản lý đầu tư Ban quản lý KCX&CN Hải Phòng - HEPIZA (Cập nhập ngày 15 tháng 10 năm 2002

3. KẾT QUẢ XỬ LÝ TRIỆT ĐỂ CÁC CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM NGHIÊM TRỌNG NẰM XEN KẼ TRONG CÁC KHU DÂN CƯ ĐÔ THỊ

Thông qua việc xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường hàng năm (trong đó có việc quan trắc, theo dõi diễn biến ô nhiễm môi trường, phát hiện những trọng điểm ô nhiễm để có biện pháp xử lý). Thành phố đã xác định những cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm nghiêm trọng nhất, tập trung chủ yếu trong khu vực nội thành, đặc biệt trong những khu có mật độ dân cư cao. Công tác xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng trong mấy năm gần đây đã và đang được tập trung chỉ đạo, xem xét, rút kinh nghiệm nhiều lần, các kết quả và kinh nghiệm của Hải Phòng đã được trình bầy tại Hội nghị "Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng vùng đồng bằng bắc bộ và khu 4 cũ" tổ chức tại Hà Nội đầu năm 2001.

Về nội dung phân loại các cơ sở công nghiệp, năm 1999, Sở KH.CN&MT đã chủ động rà soát các cơ sở, xây dựng các tiêu chí và tiến hành thử nghiệm phân loại đối với 82 doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố. Kết quả phân loại cũng đánh giá tương đối khách quan và chính xác về mức độ ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến nay vẫn không có những văn bản pháp qui của Nhà nước, nên việc phân loại này chưa được công bố chính thức nhưng cũng đã hỗ trợ cho việc lập kế hoạch quản lý đối với những trọng điểm ô nhiễm.

Sau gần hai năm triển khai, kết quả tổng hợp chung: trên địa bàn Hải Phòng đến nay có trên 370 cơ sở sản xuất, kinh doanh có quy mô vừa và lớn, phân loại bước đầu như sau:

- Ô nhiễm nặng: 24
- Ô nhiễm trung bình: 22
- Ô nhiễm ít: 14

Mặc dù đã có nhiều chuyển biến trong việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, nhưng các kết quả còn hạn chế cần phải có cơ chế, chính sách hỗ trợ để có kết quả như mong muốn. Hiện nay các cơ sở này chỉ có 3 cách giải quyết: Thay đổi công nghệ, di chuyển địa điểm và đóng cửa, ngừng sản xuất nếu đã áp dụng tất cả các giải pháp nhưng đều không đạt tiêu chuẩn môi trường.

Đây là việc làm rất khó khăn, có liên quan trực tiếp đến việc làm, đời sống của nhiều người lao động. Mặt khác cần bố trí cho các cơ sở sản xuất được mặt bằng ở các địa điểm phù hợp và cơ sở

cần có đủ kinh phí với số lượng khá lớn đang là khó khăn rất lớn đối với cơ sở. Thực tế một số cơ sở sản xuất có quyết tâm rất cao nhưng khi triển khai đều gặp rất nhiều khó khăn (Công ty Xi măng Hải Phòng, Công ty cơ khí Duyên Hải, Công ty Giấy Hải phòng, Công ty cơ khí Duyên Hải..).

Cho đến nay, các đơn vị này đều đã có phương án xử lý. Một số đã được di chuyển đến địa điểm phù hợp hơn hoặc có phương án đổi mới công nghệ, sử dụng công nghệ mới ít gây ô nhiễm hơn. Từ cơ sở đó, thành phố đã có kế hoạch chỉ đạo thực hiện nên một số cơ sở đã có rất nhiều cố gắng để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và chuyển biến rõ rệt.

Kết quả cụ thể: trong năm 2000-2001 thành phố tiếp tục triển khai, tập trung hỗ trợ các cơ sở có quyết tâm cao (tính từ khi có Chỉ thị 36 và Chỉ thị 24), giải quyết được một số điểm nóng về ô nhiễm môi trường. Đó là:
+ Đóng cửa bãi rác Thượng Lý
+ Đang triển khai di chuyển Công ty Xi măng Hải Phòng
+ Di chuyển Công ty Đúc đồng
+ Di chuyển Công ty Thiết bị áp lực và Vật liệu xây dựng.
+ Đã có phương án chuyển Công ty Thép Hải Phòng ra khỏi khu vực nội thành. Hiện nay cơ sở này đã ngừng hoạt động.
+ Phân xưởng A2 (khu Máy Tơ) của Công ty Cơ khí Duyên Hải đã lập tờ trình về phương án di chuyển ra khỏi khu vực nội thành (trước mắt đã đầu tư gần 1 tỷ đồng Việt Nam để xử lý ô nhiễm môi trường).
+ Xử lý xong ô nhiễm môi trường của Xí nghiệp gạch Gò-Công.
+ Thành phố hiện đang triển khai xây dựng cụm công nghiệp Vĩnh Niệm và sắp tới là cụm công nghiệp Quán Trữ cho các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, tạo điều kiện đưa một số cơ sở ra khỏi nội thành.
Đến hết năm 2000 chỉ còn 12 cơ sở nằm trong danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Ngoài các cơ sở lớn và vừa: thành phố Hải Phòng còn có một số cơ sở nhỏ gây ô nhiễm môi trường cũng đã từng bước được xử lý (Cơ sở Quang Minh tại huyện Kiến Thụy, 2 cơ sở Agar tại huyện An Lão, cơ sở sản xuất thức ăn gia súc VIC khu Hạ Lý... đã phải ngừng hoạt động và các cơ sở khác đầu tư hệ thống xử lý chất thải, cải tiến công nghệ.
Đến cuối năm 1999, Cục Môi trường mới dự thảo một số tiêu chí để đánh giá và phân loại ô nhiễm công nghiệp. Đã tiến hành lấy ý kiến các tỉnh/thành phố trong cả nước để hoàn thiện. Nhưng cho đến nay vẫn chưa có quyết định chính thức để áp dụng.

Với sự hỗ trợ của Dự án MEIP, Chương trình phân hạng các doanh nghiệp thuộc công nghiệp chế biến thực phẩm, nước giải khát, giấy và dệt nhuộm cũng đã được triển khai thí điểm đối với 18 doanh nghiệp tại Hải Phòng. Sau hơn 7 tháng thực hiện (tiến hành đo đạc, quan trắc nguồn thải, thống kê, đánh giá tình hình thực hiện Luật BVMT của doanh nghiệp...). Kết quả cho thấy trong 18 doanh nghiệp: có 1 doanh nghiệp đạt loại khá, 1 doanh nghiệp được xếp hạng đạt, còn lại 16 doanh nghiệp ít nhiều đều có vấn đề ô nhiễm môi trường ở các mức độ khác nhau.

4. LÀNG NGHỀ VÀ NGHỀ THỦ CÔNG Ở THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Hải Phòng là địa phương có nhiều làng nghề. Những làng nghề kể dưới đây hầu hết đã hình thành từ thế kỷ XIX trở về trước, một số xuất hiện ở đầu thế kỷ XX. Có thể liệt kê một số làng nghề ở Hải Phòng như sau:

STT	*Tên huyện*	*Tên làng và nghề chính*	*Ghi chú*
1	Thuỷ Nguyên	1. Mỹ đồng: Đúc kim loại 2. Lâm động: ươm tơ dệt lụa 3. Lại Xuân: nung vôi	